

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TẢI-TỔNG CỤC HẢI
QUAN
Số: 297-TT/LB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 1986

THÔNG TƯ

LIÊN BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI - TỔNG CỤC HẢI QUAN

SỐ 297-TT/LB NGÀY 15 - 3 - 1986

QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNH LÝ CỦA CÁN BỘ,

CÔNG NHÂN, LÁI XE, LÁI TÀU VÀ THUYỀN VIÊN VIỆT NAM

LÀM VIỆC TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI THƯỜNG XUYÊN QUA LẠI BIÊN GIỚI BẰNG ĐƯỜNG BỘ,
ĐƯỜNG SÔNG; CỦA THUYỀN VIÊN VIỆT NAM LÀM VIỆC TRÊN CÁC TÀU THUYỀN VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG
TRÊN CÁC
TUYẾN HÀNG HẢI QUỐC TẾ.

Thi hành Chỉ thị số 202 - HĐBT ngày 10 - 7 - 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về việc chấn chỉnh công tác kiểm tra, kiểm soát của Hải quan tại các sân bay, hải cảng, các cửa khẩu khác (điểm 4 phần B) liên Bộ Giao thông vận tải - Tổng cục Hải quan quy định chế độ xuất nhập khẩu hành lý của cán bộ, công nhân lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam làm việc trên các phương tiện vận tải thường xuyên qua lại biên giới Việt Nam - Lào, Việt Nam - Campuchia bằng đường bộ và đường sông (dưới đây gọi tắt là lái xe, lái tàu Việt Nam); Thuyền viên Việt Nam làm việc trên các tàu thuyền Việt Nam hoạt động trên các tuyến hàng hải quốc tế (dưới đây gọi tắt là thuyền viên Việt Nam) để các cấp thuộc ngành Giao thông vận tải, các cấp thuộc ngành Hải quan và các cá nhân làm việc trên các phương tiện vận tải nêu trên thống nhất thực hiện.

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

- Hành lý xuất nhập khẩu của lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam đều phải khai báo và chịu sự kiểm tra, kiểm soát, quản lý của Hải quan cửa khẩu.
- Những hành lý xuất nhập khẩu đó phải theo đúng những quy định của Thông tư này và không thuộc loại hàng cấm xuất, cấm nhập quy định trong danh mục kèm theo Thông tư số 9 - TT/LB/TC/NgT ngày 25 - 3 - 1983 của liên Bộ Tài chính - Ngoại thương.

3. Những hành vi xuất nhập khẩu hành lý trái với Thông tư này đều bị xử lý theo pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

II. TIÊU CHUẨN HÀNH LÝ XUẤT NHẬP KHẨU

A. Tiêu chuẩn hành lý xuất khẩu:

1. Mỗi lần xuất cảnh, lái xe, lái tàu và thuyền viên Việt Nam được mang theo miễn thuế các hành lý dưới đây:

- a) Quần áo, giày dép, vật dụng sinh hoạt hàng ngày, đồ dùng nghề nghiệp v.v... để sử dụng cho cá nhân trong thời gian lưu trú ở nước ngoài;
- b) Hai trăm gam thuốc phòng bệnh thông thường;
- c) Năm tút thuốc lá (loại một tút 10 bao, 1 bao 20 điếu) loại do thương nghiệp quốc doanh bán;
- d) Một đồng hồ loại đeo tay hoặc bỏ túi;
- e) Một tư trang bằng vàng không quá hai đồng cân, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- g) Một máy ảnh;

Trừ các hành lý sử dụng hết hoặc tiêu hao (a, b, c) khi về nước phải mang về đầy đủ các hành lý (d, e, g) mà lúc xuất cảnh đã mang đi.

2. Riêng đối với lái xe, lái tàu Việt Nam, quy định thêm như sau:

- a) Đi và về trong một ngày không được mang theo hàng hoá.
- b) Đi và về từ hai ngày đến bảy ngày được mang theo miễn thuế một số hàng hoá trị giá không quá chín trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế hàng hoá xuất nhập khẩu phi mậu dịch do cơ quan thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương ấn định từng thời gian).
- c) Đi và về từ tám ngày đến mười bốn ngày được mang theo miễn thuế một số hàng hoá trị giá không quá hai nghìn đồng Việt Nam (theo giá tính thuế như quy định ở mục A, điểm 2b).
- d) Đi và về từ mười lăm ngày đến hai mươi ngày được mang theo miễn thuế một số hàng hoá trị giá không quá hai nghìn năm trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế như quy định ở mục A, điểm 2b).

e) Đi và về từ hai mươi ngày trở lên được mang theo hành hoá như quy định ở mục A điểm 2b; và kể từ ngày thứ hai mươi một trở đi, mỗi ngày được mang thêm một số hàng hoá với trị giá không quá một trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế như quy định ở mục A điểm 2b).

Số ngày đi và về phải được ghi rõ trên giấy đi đường do Thủ trưởng hoặc người được thủ trưởng uỷ quyền của xí nghiệp hoặc đơn vị vận tải ký tên (phải ghi rõ họ tên người ký rồi đóng dấu của đơn vị hoặc xí nghiệp) và phải xuất trình cho Hải quan cửa khẩu lúc xuất cảnh.

3. Hàng hoá mang đi (không thuộc loại cấm xuất khẩu) vượt trị giá hoặc vượt định lượng, thì phần hàng hoá vượt trị giá, hoặc vượt định lượng quy định ấy không được xuất khẩu.

B. Tiêu chuẩn hành lý nhập khẩu:

1. Đối với lái xe, lái tàu Việt Nam.

Ngoài những hành lý mang theo trong một chuyến đi công tác (quy định ở mục A điểm 1), khi nhập cảnh còn được mang theo về nước miễn thuế một số hàng hoá như sau:

a) Đi và về từ hai đến bảy ngày, số hàng hoá được mang theo về trị giá không quá chín trăm đồng Việt Nam, theo giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch do cơ quan thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương ấn định từng thời gian (nếu có chứng minh khi xuất cảnh có mang theo đi số hàng hoá trị giá tương đương) trong đó thuốc lá không quá năm tút loại 1 tút 10 bao, 1 bao 20 điếu, loại do Lào hoặc Campuchia hoặc Việt Nam sản xuất.

b) Đi và về từ tám đến mười bốn ngày, số hàng hoá được mang theo về nước trị giá không quá hai nghìn đồng Việt Nam và theo các quy định khác như ở mục B điểm 1. a.

c) Đi và về từ mười lăm ngày đến hai mươi ngày, số hàng hoá được mang theo về nước trị giá không quá hai nghìn năm trăm đồng Việt Nam và theo các quy định khác như ở mục B điểm 1. a.

d) Đi và về từ hai mươi ngày trở lên số hàng hoá được mang về nước như đã quy định ở mục B điểm 1. c và kể từ ngày thứ hai mươi một trở đi, mỗi ngày được mang thêm một số hàng hoá về nước trị giá không quá một trăm đồng Việt Nam (theo giá tính thuế nói ở mục B điểm 1. a).

Hàng hoá mang theo về nước (không thuộc loại cấm nhập khẩu) vượt trị giá và vượt định lượng thì phần hàng hoá vượt trị giá quy định phải nộp thuế hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch cho Hải quan cửa khẩu, đồng thời phải bán cho thương nghiệp quốc doanh phần thuốc lá vượt

định lượng, theo giá mua thấp hơn giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp từ 10% đến 20% như đã quy định trong Chỉ thị số 202 - HĐBT ngày 10 - 7 - 1985 của Hội đồng Bộ trưởng.

2. Đối với thuyền viên Việt Nam.

a) Về hàng hoá:

a. 1) Hàng miễn thuế: Khi nhập cảnh ngoài những hành lý ghi ở điểm 1 mục A, còn được mua mang theo về nước một số hàng hoá bằng các khoản ngoại tệ thu nhập hợp pháp được công nhận của từng người:

- Nếu số ngoại tệ thu nhập hợp pháp chỉ dùng để mua hàng hoá cho bản thân, thì mức miễn thuế được hưởng là 3,3 USD/ngày (tính theo số ngày đi và về).

- Nếu tất cả ngoại tệ thu nhập hợp pháp còn lại đều dùng mua những hàng hoá Nhà nước khuyến khích nhập khẩu và bán cho Nhà nước theo quy định ở điểm a. 4 dưới đây, thì mức miễn thuế được hưởng là 4USD/ ngày (tính theo số ngày đi và về).

a. 2) Hàng hoá phải nộp thuế; Số hàng hoá mua bằng ngoại tệ vượt định mức miễn thuế nhưng nằm trong tổng số ngoại tệ thu nhập hợp pháp của từng người trong một chuyến đi và khi nhập cảnh có khai báo hải quan, thì phải nộp thuế hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch cho Hải quan cửa khẩu (theo giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu phi mậu dịch do cơ quan thuế tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương ấn định từng thời gian).

a. 3) Những hàng hoá Nhà nước không khuyến khích nhập khẩu: Trong phạm vi ngoại tệ thu nhập hợp pháp, thuyền viên Việt Nam chỉ được mang theo về nước theo định lượng và thời gian quy định như sau:

- Thuốc lá nước ngoài: đi dưới ba tháng thì mỗi lần nhập cảnh không quá hai tút (một tút 10 bao, mỗi bao 20 điếu); đi trên ba tháng thì mỗi lần nhập cảnh không quá 5 tút cùng chủng loại như trên;

- Súng săn: một khẩu, cho mỗi lần nhập cảnh cách nhau một năm, nhưng phải có giấy phép của Công an tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương;

- Súng hơi: một khẩu cho mỗi lần nhập cảnh, cách nhau một năm;

- Xe máy loại 125 phân khối trở xuống: một năm được nhập khẩu một chiếc; loại trên 125 phân khối không được phép nhập khẩu.